HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
BAN CHẤM THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2024 (Khoá AT13 – AT17)

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	184	AT130101	Lê Bình	An	AT13AU	**7**	
2	242	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17CK	**4.3**	
3	326	AT160201	Nguyễn Văn	An	AT16BK	**5**	
4	298	AT170401	Nguyễn Quốc	Ân	AT17DK	**K**	Vắng thi
5	100	AT160402	Kiều Tuấn	Anh	AT16DK	**6**	
6	101	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	AT17AK	**K**	Vắng thi
7	128	AT140401	Dương Trung	Anh	AT14DT	**2.5**	
8	156	AT170203	Chu Đức	Anh	AT17BP	**6**	
9	157	AT150602	Kim Việt	Anh	AT15GU	**7**	
10	158	AT170703	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17HK	**4**	
11	185	AT170603	Mai Vũ Quốc	Anh	AT17GK	**3.5**	
12	213	AT160405	Nguyễn Doãn Nam	Anh	AT16DK	**K**	Vắng thi
13	214	AT170103	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17AP	**K**	Vắng thi
14	215	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17HK	**2**	
15	243	AT160604	Phạm Lê	Anh	AT16GK	**5**	
16	270	AT170303	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	AT17CT	**K**	Vắng thi
17	271	AT170602	Nguyễn Trường	Anh	AT17GK	**5.5**	
18	327	AT170403	Dương Tuấn	Anh	AT17DK	**3.5**	
19	159	AT170604	Hoàng Hữu	Ánh	AT17GK	**3.5**	
20	129	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16BT	**2**	
21	244	AT150405	Vũ Hồ	Bách	AT15DT	**5**	
22	186	AT170705	Ngô Trí	Ban	AT17HK	**3**	
23	272	AT160305	Nguyễn Ngọc	Bảo	AT16CK	**5**	
24	299	AT160461	Tống Thế	Bảo	AT16DK	**5.5**	
25	187	AT150605	Đỗ Quang	Bính	AT15GT	**K**	Vắng thi
26	102	AT150206	Bùi Huy	Chiến	AT15BU	**6.5**	
27	188	AT170607	Tạ Quang	Chiến	AT17GK	**4**	
28	300	AT160407	Trần Ngọc	Chiến	AT16DK	**5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	130	AT170306	Trương Văn	Chiêu	AT17CT	**5**	
30	301	AT160108	Nguyễn Trọng	Chinh	AT16AK	**3.8**	
31	245	AT160408	Trần Minh	Công	AT16DK	**5**	
32	273	AT160110	Nguyễn Văn	Cương	AT16AK	**1**	
33	160	AT170507	Phan Cao	Cường	AT17EK	**6**	
34	274	AT170707	Phạm Phú	Cường	AT17HK	**5**	
35	246	AT170407	Trần Quốc	Đảm	AT17DK	**K**	Vắng thi
36	131	AT170308	Lưu Nhật	Đan	AT17CT	**5**	
37	103	AT170610	Chu Quang	Đạt	AT17GP	**K**	Vắng thi
38	104	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17AP	**1.5**	
39	105	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17BK	**3.5**	
40	189	AT150110	Nguyễn Tiến	Đạt	AT15AT	**7**	
41	247	AT150411	Nguyễn Thành	Đạt	AT15DT	**2**	
42	190	AT140309	Nguyễn Trí	Diện	AT14CU	**5**	
43	328	AT140310	Vũ Ngọc	Điệp	AT14CU	**6.5**	
44	161	AT170611	Dương Văn	Đoàn	AT17GK	**0.5**	
45	275	AT170409	Phạm Văn	Đông	AT17DK	**5**	
46	329	AT140507	Trần Hữu	Đông	AT14EU	**3**	
47	162	AT160611	Phạm Văn	Đồng	AT16GK	**K**	Vắng thi
48	106	AT150608	Đỗ Huy	Đức	AT15GU	**6.5**	
49	107	AT160218	Nguyễn Minh	Đức	AT16BK	**5**	
50	132	AT160315	Nguyễn Văn	Đức	AT16CK	**3**	
51	163	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16BT	**3.5**	
52	164	AT170712	Nguyễn Bá Minh	Đức	AT17HK	**6.5**	
53	165	AT150315	Nguyễn Hải	Đức	AT15CT	**5**	
54	216	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16AT	**3.5**	
55	217	AT140706	Lê Huỳnh	Đức	AT14HT	**6**	
56	218	AT150412	Trịnh Đình	Đức	AT15DT	**2**	
57	241	AT140413	Cao Trung	Đức	AT14DT	**K**	Vắng thi
58	276	AT160513	Vũ Minh	Đức	AT16EK	**3.5**	
59	302	AT160316	Phạm Ngọc	Đức	AT16CK	**6.5**	
60	133	AT170213	Nguyễn Văn	Dũng	AT17BK	**6**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
61	248	AT160309	Nguyễn Văn	Dũng	AT16CK	**3**	
62	330	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14AT	**K**	Vắng thi
63	108	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16CK	**5**	
64	134	AT170713	Đỗ Song	Dương	AT17HK	**1**	
65	277	AT160509	Lê Hồng	Dương	AT16EP	**5.5**	
66	278	AT170314	Nguyễn Thị	Dương	AT17CT	**5**	
67	279	AT170411	Phạm Hoàng	Dương	AT17DK	**5.5**	
68	303	AT170214	Hoàng Xuân	Dương	AT17BK	**5**	
69	109	AT170215	Nguyễn Đức	Duy	AT17BK	**K**	Vắng thi
70	249	AT140115	Nguyễn Đức	Duy	AT14AT	**5**	
71	304	AT160508	Đỗ Văn	Duy	AT16EP	**5.5**	
72	305	AT130609	Lê Văn	Duy	AT13GT	**5.5**	
73	219	AT140120	Hà Văn	Giỏi	AT14AT	**0**	
74	250	AT160122	Đào Huy	Hà	AT16AK	**5**	
75	306	AT160712	Vũ Thu	Hà	AT16HK	**3.5**	
76	166	AT170316	Nguyễn Đức	Hải	AT17CP	**6**	
77	191	AT170115	Tạ Đông	Hải	AT17AK	**3.5**	
78	220	AT160123	Kim Tuấn	Hải	AT16AK	**6.5**	
79	307	AT160417	Vũ Đức	Hải	AT16DK	**5**	
80	331	AT160221	Nguyễn Thanh	Hải	AT16BK	**1**	
81	280	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16EP	**2**	
82	281	AT170317	Trần Gia	Hiển	AT17CT	**5**	
83	308	AT170517	Đoàn Ngọc	Hiệp	AT17EK	**5**	
84	110	AT160225	Nguyễn Trung	Hiếu	AT16BT	**5**	
85	135	AT170416	Lê Trung	Hiếu	AT17DK	**6.5**	
86	167	AT170618	Lê Minh	Hiếu	AT17GK	**5**	
87	192	AT170518	Nguyễn Duy	Hiếu	AT17EK	**6.5**	
88	251	AT170117	Chu Bá	Hiếu	AT17AK	**9**	
89	309	AT150218	Hà Ngọc	Hiếu	AT15BU	**5.8**	
90	310	AT150417	Hoàng Đức	Hiếu	AT15DT	**3**	
91	311	AT160224	Ngô Đình	Hiếu	AT16BP	**5**	
92	312	AT160321	Nguyễn Trung	Hiếu	AT16CP	**5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
93	332	AT170118	Phan Trung	Hiếu	AT17AK	**5**	
94	333	AT160520	Vũ Minh	Hiếu	AT16EP	**2**	
95	168	AT170120	Vũ Như	Hoa	AT17AK	**5.8**	
96	111	AT170718	Trần Anh	Hoà	AT17HK	**2.3**	
97	221	AT170121	Vũ Phú	Hòa	AT17AT	**6**	
98	282	AT160328	Trương Đình	Hoàn	AT16CK	**5**	
99	136	AT150320	Đặng Đình	Hoàng	AT15CT	**5.5**	
100	137	AT170421	Lê Việt	Hoàng	AT17DK	**3**	
101	138	AT150521	Nguyễn Việt	Hoàng	AT15ET	**5**	
102	193	AT170122	Lê Thanh	Hoàng	AT17AP	**5.5**	
103	222	AT160422	Nguyễn Bắc	Hoàng	AT16DK	**1.5**	
104	252	AT160131	Phan Thị	Hồng	AT16AK	**3.5**	
105	112	AT140122	Bùi Thanh	Hùng	AT14AT	**5**	
106	113	AT170720	Đào Duy	Hùng	AT17HK	**5**	
107	114	AT170323	Đào Quốc	Hùng	AT17CK	**K**	Vắng thi
108	253	AT150422	Đỗ Chí	Hùng	AT15DT	**4**	
109	313	AT170623	Dương Việt	Hùng	AT17GK	**6.3**	
110	314	AT160324	Nguyễn Đăng	Hùng	AT16CP	**6**	
111	315	AT170524	Nguyễn Sỹ	Hùng	AT17EP	**5**	
112	115	AT170324	Cù Tất	Hưng	AT17CK	**3**	
113	194	AT170624	Lê Minh	Hưng	AT17GK	**5**	
114	195	AT170721	Nguyễn Văn	Hưng	AT17HK	**4**	
115	212	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17AK	**2.5**	
116	223	AT150621	Nguyễn Tiến	Hưng	AT15GT	**5**	
117	316	AT170525	Trần Khải	Hưng	AT17EK	**6**	
118	196	AT160230	Phạm Công	Hưởng	AT16BT	**K**	Vắng thi
119	334	AT170526	Nguyễn Văn	Hưởng	AT17EK	**3.5**	
120	139	AT160718	Bùi Hữu	Huy	AT16HT	**4**	
121	169	AT170723	Nguyễn Quốc	Huy	AT17HK	**6.5**	
122	224	AT150323	Dương Quang	Huy	AT15CT	**8**	
123	225	AT150226	Nguyễn Quang	Huy	AT15BU	**6**	
124	254	AT170124	Phạm Đình	Huy	AT17AK	**5.5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
125	283	AT170724	Phạm Quang	Huy	AT17HK	**5**	
126	335	AT170125	Lưu Quốc	Huy	AT17AT	**5.5**	
127	226	AT170725	Mạc Đình	Khang	AT17HT	**3.5**	
128	170	AT170126	Mạc Bảo	Khanh	AT17AK	**4**	
129	116	AT170328	Phạm Tiến	Khánh	AT17CK	**K**	Vắng thi
130	227	AT140325	Phạm Khắc	Khánh	AT14CU	**6.5**	
131	171	AT160140	Bùi Trung	Kiên	AT16AK	**6**	
132	197	AT170726	Vũ Văn	Kiên	AT17HK	**K**	Vắng thi
133	336	AT170127	Lê Trung	Kiên	AT17AK	**4**	
134	317	AT140823	Vũ Bá	Lâm	AT14IU	**K**	Vắng thi
135	284	AT160723	Vi Xuân	Lãm	AT16HK	**K**	Vắng thi
136	255	AT160232	Nguyễn Thị	Lê	AT16BT	**2**	
137	140	AT170630	Bùi Hữu	Linh	AT17GK	**5.3**	
138	198	AT160428	Lưu Thị	Linh	AT16DK	**7**	
139	172	AT150236	Nguyễn Đăng	Long	AT15BT	**5**	
140	199	AT160429	Nguyễn Đức	Long	AT16DK	**3.5**	
141	285	AT150332	Lê Gia	Long	AT15CT	**3**	
142	337	AT130831	Nguyễn Hiếu	Long	AT13IT	**5**	
143	338	AT160145	Đỗ Danh	Lực	AT16AP	**K**	Vắng thi
144	141	AT150438	Đoàn Thị Ngọc	Mai	AT15DT	**5**	
145	200	AT160334	Nguyễn Văn	Mạnh	AT16CK	**5**	
146	117	AT170133	Nguyễn Tuấn	Minh	AT17AK	**K**	Vắng thi
147	118	AT170235	Trần Công	Minh	AT17BK	**K**	Vắng thi
148	142	AT170433	Trần Công	Minh	AT17DP	**5.5**	
149	228	AT160237	Đào Nguyễn Nhật	Minh	AT16BT	**3**	
150	256	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17EK	**2**	
151	286	AT150240	Phạm Đức	Minh	AT15BU	**5**	
152	318	AT160238	Trần Đức	Minh	AT16BP	**4**	
153	339	AT170730	Vũ Quang	Minh	AT17HP	**5**	
154	201	AT160630	Nguyễn Thị Trà	My	AT16GK	**6.5**	
155	229	AT160728	Nguyễn Trương Giáng	My	AT16HT	**9**	
156	119	AT160240	Nguyễn Hải	Nam	AT16BK	**5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
157	143	AT170636	Đỗ Hoài	Nam	AT17GK	**6**	
158	230	AT150638	Đỗ Hoài	Nam	AT15GT	**5**	
159	257	AT170236	Nguyễn Hoàng	Nam	AT17BK	**6.5**	
160	287	AT130532	Đoàn Văn	Nam	AT13ET	**3**	
161	340	AT160336	Nguyễn Văn	Nam	AT16CK	**4**	
162	341	AT160337	Quách Thành	Nam	AT16CK	**5**	
163	120	AT150639	Trần Đại	Nghĩa	AT15GU	**5**	
164	121	AT170134	Trịnh Minh	Nghĩa	AT17AK	**5**	
165	202	AT140432	Phạm Tuấn	Nghĩa	AT14DU	**0.5**	
166	173	AT170436	Lê Duy	Ngọc	AT17DK	**4**	
167	231	AT170735	Phạm Đức	Nhân	AT17HP	**3.5**	
168	288	AT160733	Lê Duy	Nhất	AT16HK	**7**	
169	144	AT170337	Nguyễn Trần Long	Nhật	AT17CT	**6.5**	
170	203	AT170637	Nguyễn Long	Nhật	AT17GK	**K**	Vắng thi
171	289	AT150642	Phạm Duy	Niên	AT15GT	**5.5**	
172	232	AT170136	Nguyễn Cao	Phi	AT17AP	**5**	
173	122	AT160244	Nguyễn Thế	Phong	AT16BT	**2**	
174	290	AT170736	Lê Xuân Vũ	Phong	AT17HK	**5**	
175	291	AT150341	Đinh Thị Hồng	Phúc	AT15CT	**K**	Vắng thi
176	342	AT170437	Vũ Mạnh	Phúc	AT17DK	**5.5**	
177	292	AT170137	Đặng Thanh	Phương	AT17AK	**7**	
178	174	AT170640	Cao Đắc	Quân	AT17GK	**3.5**	
179	204	AT130541	Vũ Ngọc	Quang	AT13ET	**5**	
180	258	AT130245	Nguyễn Đình	Quang	AT13BT	**K**	Vắng thi
181	343	AT170541	Phùng Văn	Quang	AT17EK	**3**	
182	344	AT170542	Nguyễn Kim	Quyết	AT17EP	**5**	
183	319	AT160738	Vũ Ngọc	Quỳnh	AT16HT	**5.5**	
184	320	AT170442	Đặng Văn	Sâm	AT17DK	**3.5**	
185	205	AT160545	Trần Văn	Sáng	AT16ET	**8**	
186	145	AT160344	Phạm Ngọc	Sơn	AT16CK	**5.5**	
187	259	AT160154	Đỗ Trung	Sơn	AT16AT	**5**	
188	260	AT140737	Lại Văn	Sơn	AT14HT	**5.5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
189	293	AT150246	Trần Hồng	Sơn	AT15BT	**K**	Vắng thi
190	294	AT170244	Vũ Trường	Sơn	AT17BK	**6**	
191	346	AT160249	Nguyễn Đình	Sơn	AT16BT	**K**	Vắng thi
192	175	AT170741	Lê Văn	Song	AT17HK	**3**	
193	123	AT170742	Đỗ Anh	Tài	AT17HK	**5.5**	
194	347	AT170245	Mai Văn	Tài	AT17BK	**5**	
195	206	AT160547	Đậu Đình	Tân	AT16EK	**5**	
196	124	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17GK	**K**	Vắng thi
197	261	AT170344	Cao Xuân	Tấn	AT17CT	**7.5**	
198	176	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14CT	**0.5**	
199	207	AT160643	Tạ Thành	Thái	AT16GT	**5**	
200	262	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15CT	**K**	Vắng thi
201	125	AT170646	Trần Đức	Thắng	AT17GK	**4**	
202	146	AT160745	Nguyễn Đức	Thắng	AT16HT	**5**	
203	295	AT170146	Nguyễn Đức	Thắng	AT17AT	**6**	
204	147	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15CT	**K**	Vắng thi
205	148	AT170546	Bùi Xuân	Thành	AT17EK	**K**	Vắng thi
206	149	AT170547	Lê Sỹ	Thành	AT17EK	**5.8**	
207	177	AT150251	Nguyễn Quang	Thành	AT15BT	**1.5**	
208	178	AT170147	Nguyễn Tuấn	Thành	AT17AK	**7.5**	
209	208	AT160347	Hoàng Văn	Thành	AT16CK	**0**	
210	263	AT140443	Đồng Xuân	Thành	AT14DT	**5**	
211	150	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16GT	**K**	Vắng thi
212	321	AT170248	Trần Văn	Thiệp	AT17BT	**5**	
213	322	AT160648	Phạm Đức	Thịnh	AT16GK	**5.5**	
214	323	AT160650	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	AT16GT	**3.5**	
215	264	AT150256	Nguyễn Đăng	Thuần	AT15BU	**5**	
216	126	AT160551	Trần Văn	Tiến	AT16EK	**5**	
217	233	AT170250	Đỗ Văn	Tiến	AT17BK	**6.5**	
218	324	AT170550	Đoàn Văn	Tiến	AT17EK	**6**	
219	151	AT160351	Lê Văn	Tiền	AT16CK	**4**	
220	265	AT160750	Nguyễn Xuân	Tiệp	AT16HP	**3**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
221	152	AT150655	Trần Văn	Toán	AT15GU	**6**	
222	234	AT170251	Đoàn Đình	Toàn	AT17BK	**6**	
223	235	AT140148	Sỹ Văn	Toàn	AT14AT	**3**	
224	348	AT160751	Trương Minh	Toàn	AT16HT	**3.5**	
225	153	AT160449	Nguyễn Thị Thùy	Trang	AT16DT	**8**	
226	236	AT170451	Ninh Thị Thùy	Trang	AT17DK	**5**	
227	349	AT170253	Khương Trọng	Trinh	AT17BK	**K**	Vắng thi
228	350	AT150259	Ngô Thị	Trinh	AT15BT	**2**	
229	154	AT160652	Nguyễn Đức	Trung	AT16GK	**7**	
230	179	AT170351	Hoàng Bảo	Trung	AT17CK	**3.5**	
231	209	AT150161	Đinh Trí	Trung	AT15AU	**5**	
232	237	AT170254	Trần Quốc	Trung	AT17BK	**5**	
233	450	AT160753	Trần Hữu	Trung	AT16HT	**5.5**	
234	180	AT150162	Ngọc Văn	Trường	AT15AT	**5**	
235	266	AT160451	Nguyễn Văn	Trường	AT16DK	**5**	
236	296	AT170752	Nguyễn Văn	Trường	AT17HP	**3**	
237	155	AT170353	Đỗ Hữu	Tú	AT17CK	**5.8**	
238	210	AT170153	Hoàng Anh	Tú	AT17AK	**3.5**	
239	238	AT170255	Phạm Anh	Tú	AT17BK	**5**	
240	239	AT170555	Vũ Quang	Tuân	AT17EK	**5.5**	
241	211	AT170154	Đoàn Minh	Tuấn	AT17AP	**5.3**	
242	240	AT130358	Bùi Minh	Tuấn	AT13CU	**7**	
243	297	AT160555	Phan Văn	Tuấn	AT16EP	**K**	Vắng thi
244	352	AT160654	Phạm Anh	Tuấn	AT16GK	**5.5**	
245	267	AT150362	Nguyễn Lâm	Tùng	AT15CT	**6.5**	
246	325	AT150561	Lê Thanh	Tùng	AT15ET	**5.5**	
247	351	AT150463	Nguyễn Thanh	Tùng	AT15DT	**3.5**	
248	181	AT160657	Nguyễn Thị	Tuyền	AT16GK	**5**	
249	268	AT160359	Nguyễn Thị Tố	Uyên	AT16CT	**5**	
250	127	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16AK	**2**	
251	353	AT160559	Nguyễn Hữu	Vinh	AT16ET	**0.3**	
252	182	AT170156	Kim Lâm	Vũ	AT17AK	**2**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 1** Mã học phần: ATATTN3 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
253	269	AT170557	Nguyễn Minh	Vũ	AT17EP	**5.5**	
254	183	AT170657	Nguyễn Thị Tường	Vy	AT17GK	**2.5**	

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ
ACADEMY OF CRYPTOGRAPHY TECHNIQUES

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
BAN CHẤM THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

ĐÀO TẠO NGÀNH ATTT NĂM 2024 (Khoá AT13 – AT17)

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
1	208	AT160201	Nguyễn Văn	An	AT16BK	**1.5**	
2	289	AT170301	Nguyễn Văn	An	AT17CK	**3.3**	
3	315	AT130101	Lê Bình	An	AT13AU	**7**	
4	290	AT170401	Nguyễn Quốc	Ân	AT17DK	**5.3**	
5	100	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17HK	**0**	
6	127	AT160405	Nguyễn Doãn Nam	Anh	AT16DK	**K**	Vắng thi
7	128	AT170703	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17HK	**0.5**	
8	129	AT170602	Nguyễn Trường	Anh	AT17GK	**1.5**	
9	181	AT150602	Kim Việt	Anh	AT15GU	**5**	
10	209	AT160402	Kiều Tuấn	Anh	AT16DK	**5**	
11	210	AT170103	Nguyễn Ngọc	Anh	AT17AP	**K**	Vắng thi
12	211	AT160604	Phạm Lê	Anh	AT16GK	**5**	
13	235	AT140401	Dương Trung	Anh	AT14DT	**K**	Vắng thi
14	236	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	AT17AK	**K**	Vắng thi
15	291	AT170203	Chu Đức	Anh	AT17BP	**5.3**	
16	292	AT170603	Mai Vũ Quốc	Anh	AT17GK	**1.5**	
17	316	AT170403	Dương Tuấn	Anh	AT17DK	**2**	
18	101	AT170604	Hoàng Hữu	Ánh	AT17GK	**5.3**	
19	212	AT150405	Vũ Hồ	Bách	AT15DT	**1.5**	
20	237	AT160205	Đoàn Xuân	Bách	AT16BT	**0.5**	
21	154	AT170705	Ngô Trí	Ban	AT17HK	**5.5**	
22	155	AT160305	Nguyễn Ngọc	Bảo	AT16CK	**5.3**	
23	238	AT160461	Tống Thế	Bảo	AT16DK	**6.3**	
24	293	AT150605	Đỗ Quang	Bính	AT15GT	**K**	Vắng thi
25	102	AT170607	Tạ Quang	Chiến	AT17GK	**5**	
26	103	AT160407	Trần Ngọc	Chiến	AT16DK	**6**	
27	130	AT150206	Bùi Huy	Chiến	AT15BU	**6**	
28	213	AT170306	Trương Văn	Chiêu	AT17CT	**K**	Vắng thi

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
29	104	AT160108	Nguyễn Trọng	Chinh	AT16AK	**3.5**	
30	294	AT160408	Trần Minh	Công	AT16DK	**5.3**	
31	262	AT160110	Nguyễn Văn	Cương	AT16AK	**1**	
32	263	AT170507	Phan Cao	Cường	AT17EK	**6**	
33	295	AT170707	Phạm Phú	Cường	AT17HK	**1.3**	
34	264	AT170407	Trần Quốc	Đảm	AT17DK	**K**	Vắng thi
35	105	AT170308	Lưu Nhật	Đan	AT17CT	**0.5**	
36	106	AT150411	Nguyễn Thành	Đạt	AT15DT	**K**	Vắng thi
37	131	AT170610	Chu Quang	Đạt	AT17GP	**5**	
38	132	AT150110	Nguyễn Tiến	Đạt	AT15AT	**6.5**	
39	182	AT170109	Nguyễn Thế	Đạt	AT17AP	**0.5**	
40	239	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17BK	**1.5**	
41	240	AT140309	Nguyễn Trí	Diện	AT14CU	**5**	
42	156	AT140310	Vũ Ngọc	Điệp	AT14CU	**5**	
43	107	AT170611	Dương Văn	Đoàn	AT17GK	**K**	Vắng thi
44	133	AT170409	Phạm Văn	Đông	AT17DK	**5**	
45	183	AT140507	Trần Hữu	Đông	AT14EU	**6**	
46	317	AT160611	Phạm Văn	Đồng	AT16GK	**K**	Vắng thi
47	108	AT160315	Nguyễn Văn	Đức	AT16CK	**5**	
48	134	AT160120	Lê Đình	Đức	AT16AT	**1**	
49	135	AT140706	Lê Huỳnh	Đức	AT14HT	**6.3**	
50	157	AT160218	Nguyễn Minh	Đức	AT16BK	**8.5**	
51	158	AT150412	Trịnh Đình	Đức	AT15DT	**5**	
52	184	AT170712	Nguyễn Bá Minh	Đức	AT17HK	**5.3**	
53	241	AT160513	Vũ Minh	Đức	AT16EK	**5.5**	
54	265	AT150608	Đỗ Huy	Đức	AT15GU	**6.8**	
55	266	AT150315	Nguyễn Hải	Đức	AT15CT	**6**	
56	296	AT160217	Lại Quang	Đức	AT16BT	**1.5**	
57	297	AT160316	Phạm Ngọc	Đức	AT16CK	**6**	
58	159	AT160309	Nguyễn Văn	Dũng	AT16CK	**6.8**	
59	267	AT140108	Nguyễn Tiến	Dũng	AT14AT	**K**	Vắng thi
60	298	AT170213	Nguyễn Văn	Dũng	AT17BK	**6**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
61	160	AT170214	Hoàng Xuân	Dương	AT17BK	**6.5**	
62	161	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16CK	**2**	
63	185	AT170314	Nguyễn Thị	Dương	AT17CT	**6**	
64	242	AT170713	Đỗ Song	Dương	AT17HK	**0**	
65	318	AT160509	Lê Hồng	Dương	AT16EP	**1**	
66	319	AT170411	Phạm Hoàng	Dương	AT17DK	**5**	
67	214	AT130609	Lê Văn	Duy	AT13GT	**0**	
68	299	AT160508	Đỗ Văn	Duy	AT16EP	**5.8**	
69	320	AT140115	Nguyễn Đức	Duy	AT14AT	**3.5**	
70	300	AT140120	Hà Văn	Giỏi	AT14AT	**0**	
71	268	AT160122	Đào Huy	Hà	AT16AK	**7.3**	
72	301	AT160712	Vũ Thu	Hà	AT16HK	**2**	
73	162	AT160123	Kim Tuấn	Hải	AT16AK	**6.5**	
74	163	AT160417	Vũ Đức	Hải	AT16DK	**2.3**	
75	186	AT170115	Tạ Đông	Hải	AT17AK	**7**	
76	269	AT160221	Nguyễn Thanh	Hải	AT16BK	**1**	
77	302	AT170316	Nguyễn Đức	Hải	AT17CP	**8.5**	
78	243	AT160517	Trần Thị	Hằng	AT16EP	**2.5**	
79	270	AT170317	Trần Gia	Hiển	AT17CT	**5.3**	
80	187	AT170517	Đoàn Ngọc	Hiệp	AT17EK	**8**	
81	109	AT150218	Hà Ngọc	Hiếu	AT15BU	**5.5**	
82	136	AT150416	Nguyễn Trung	Hiếu	AT15DU	**K**	Vắng thi
83	164	AT170117	Chu Bá	Hiếu	AT17AK	**6.8**	
84	165	AT170118	Phan Trung	Hiếu	AT17AK	**6.5**	
85	188	AT150417	Hoàng Đức	Hiếu	AT15DT	**2.5**	
86	189	AT170518	Nguyễn Duy	Hiếu	AT17EK	**6**	
87	244	AT170416	Lê Trung	Hiếu	AT17DK	**6.5**	
88	271	AT170618	Lê Minh	Hiếu	AT17GK	**0.5**	
89	272	AT160225	Nguyễn Trung	Hiếu	AT16BT	**5**	
90	303	AT160520	Vũ Minh	Hiếu	AT16EP	**5.3**	
91	321	AT160224	Ngô Đình	Hiếu	AT16BP	**2**	
92	322	AT160321	Nguyễn Trung	Hiếu	AT16CP	**5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
93	166	AT170120	Vũ Như	Hoa	AT17AK	**7**	
94	273	AT170718	Trần Anh	Hoà	AT17HK	**1**	
95	215	AT170121	Vũ Phú	Hòa	AT17AT	**6.3**	
96	190	AT160328	Trương Đình	Hoàn	AT16CK	**2**	
97	110	AT170421	Lê Việt	Hoàng	AT17DK	**5**	
98	111	AT150521	Nguyễn Việt	Hoàng	AT15ET	**7**	
99	167	AT170122	Lê Thanh	Hoàng	AT17AP	**5.8**	
100	191	AT160422	Nguyễn Bắc	Hoàng	AT16DK	**0**	
101	274	AT150320	Đặng Đình	Hoàng	AT15CT	**8**	
102	275	AT160131	Phan Thị	Hồng	AT16AK	**K**	Vắng thi
103	168	AT170524	Nguyễn Sỹ	Hùng	AT17EP	**0**	
104	216	AT140122	Bùi Thanh	Hùng	AT14AT	**2**	
105	217	AT150422	Đỗ Chí	Hùng	AT15DT	**2**	
106	245	AT160324	Nguyễn Đăng	Hùng	AT16CP	**6.5**	
107	276	AT170720	Đào Duy	Hùng	AT17HK	**3**	
108	323	AT170623	Dương Việt	Hùng	AT17GK	**5**	
109	137	AT170525	Trần Khải	Hưng	AT17EK	**5.5**	
110	169	AT150621	Nguyễn Tiến	Hưng	AT15GT	**6.5**	
111	170	AT170721	Nguyễn Văn	Hưng	AT17HK	**2**	
112	246	AT170324	Cù Tất	Hưng	AT17CK	**1.5**	
113	324	AT170624	Lê Minh	Hưng	AT17GK	**1.5**	
114	341	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	AT17AK	**0**	
115	171	AT170526	Nguyễn Văn	Hưởng	AT17EK	**5**	
116	138	AT150323	Dương Quang	Huy	AT15CT	**7**	
117	139	AT170724	Phạm Quang	Huy	AT17HK	**0**	
118	172	AT170723	Nguyễn Quốc	Huy	AT17HK	**5.5**	
119	192	AT160718	Bùi Hữu	Huy	AT16HT	**1.5**	
120	193	AT170124	Phạm Đình	Huy	AT17AK	**7.3**	
121	218	AT170125	Lưu Quốc	Huy	AT17AT	**5**	
122	304	AT150226	Nguyễn Quang	Huy	AT15BU	**6.3**	
123	112	AT170725	Mạc Đình	Khang	AT17HT	**K**	Vắng thi
124	113	AT170126	Mạc Bảo	Khanh	AT17AK	**5.3**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
125	194	AT140325	Phạm Khắc	Khánh	AT14CU	**7.5**	
126	140	AT160140	Bùi Trung	Kiên	AT16AK	**5**	
127	305	AT170726	Vũ Văn	Kiên	AT17HK	**K**	Vắng thi
128	325	AT170127	Lê Trung	Kiên	AT17AK	**5**	
129	114	AT140823	Vũ Bá	Lâm	AT14IU	**K**	Vắng thi
130	219	AT160232	Nguyễn Thị	Lê	AT16BT	**5.3**	
131	195	AT160428	Lưu Thị	Linh	AT16DK	**5.5**	
132	306	AT170630	Bùi Hữu	Linh	AT17GK	**7.5**	
133	173	AT150236	Nguyễn Đăng	Long	AT15BT	**6.5**	
134	174	AT160429	Nguyễn Đức	Long	AT16DK	**5**	
135	247	AT150332	Lê Gia	Long	AT15CT	**5**	
136	277	AT130831	Nguyễn Hiếu	Long	AT13IT	**6.8**	
137	141	AT160145	Đỗ Danh	Lực	AT16AP	**K**	Vắng thi
138	196	AT150438	Đoàn Thị Ngọc	Mai	AT15DT	**6**	
139	197	AT160334	Nguyễn Văn	Mạnh	AT16CK	**3**	
140	115	AT160237	Đào Nguyễn Nhật	Minh	AT16BT	**3**	
141	116	AT160238	Trần Đức	Minh	AT16BP	**5**	
142	142	AT170730	Vũ Quang	Minh	AT17HP	**3**	
143	175	AT170433	Trần Công	Minh	AT17DP	**6.5**	
144	220	AT150240	Phạm Đức	Minh	AT15BU	**5.5**	
145	248	AT170533	Trần Tuấn	Minh	AT17EK	**0.5**	
146	307	AT170235	Trần Công	Minh	AT17BK	**K**	Vắng thi
147	249	AT160630	Nguyễn Thị Trà	My	AT16GK	**1**	
148	278	AT160728	Nguyễn Trương Giáng	My	AT16HT	**1.5**	
149	176	AT170636	Đỗ Hoài	Nam	AT17GK	**3**	
150	198	AT160240	Nguyễn Hải	Nam	AT16BK	**5.5**	
151	250	AT150638	Đỗ Hoài	Nam	AT15GT	**5**	
152	251	AT130532	Đoàn Văn	Nam	AT13ET	**0**	
153	252	AT170236	Nguyễn Hoàng	Nam	AT17BK	**5**	
154	253	AT160336	Nguyễn Văn	Nam	AT16CK	**1**	
155	326	AT160337	Quách Thành	Nam	AT16CK	**0**	
156	177	AT140432	Phạm Tuấn	Nghĩa	AT14DU	**3**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
157	199	AT170134	Trịnh Minh	Nghĩa	AT17AK	**6.3**	
158	327	AT150639	Trần Đại	Nghĩa	AT15GU	**5.5**	
159	117	AT170436	Lê Duy	Ngọc	AT17DK	**5**	
160	143	AT170735	Phạm Đức	Nhân	AT17HP	**1.8**	
161	328	AT160733	Lê Duy	Nhất	AT16HK	**1.5**	
162	279	AT170637	Nguyễn Long	Nhật	AT17GK	**K**	Vắng thi
163	329	AT170337	Nguyễn Trần Long	Nhật	AT17CT	**K**	Vắng thi
164	280	AT150642	Phạm Duy	Niên	AT15GT	**6**	
165	118	AT170136	Nguyễn Cao	Phi	AT17AP	**0.5**	
166	144	AT170736	Lê Xuân Vũ	Phong	AT17HK	**1**	
167	221	AT160244	Nguyễn Thế	Phong	AT16BT	**0**	
168	308	AT170437	Vũ Mạnh	Phúc	AT17DK	**7**	
169	330	AT170137	Đặng Thanh	Phương	AT17AK	**3**	
170	331	AT170640	Cao Đắc	Quân	AT17GK	**1.5**	
171	145	AT170541	Phùng Văn	Quang	AT17EK	**5**	
172	309	AT130541	Vũ Ngọc	Quang	AT13ET	**5**	
173	254	AT170542	Nguyễn Kim	Quyết	AT17EP	**6.8**	
174	281	AT160738	Vũ Ngọc	Quỳnh	AT16HT	**5**	
175	256	AT170442	Đặng Văn	Sâm	AT17DK	**5**	
176	255	AT160545	Trần Văn	Sáng	AT16ET	**5**	
177	200	AT160154	Đỗ Trung	Sơn	AT16AT	**2**	
178	201	AT150246	Trần Hồng	Sơn	AT15BT	**K**	Vắng thi
179	222	AT160249	Nguyễn Đình	Sơn	AT16BT	**K**	Vắng thi
180	257	AT160344	Phạm Ngọc	Sơn	AT16CK	**5**	
181	282	AT140737	Lại Văn	Sơn	AT14HT	**6**	
182	311	AT170244	Vũ Trường	Sơn	AT17BK	**5**	
183	146	AT170741	Lê Văn	Song	AT17HK	**1.8**	
184	119	AT170742	Đỗ Anh	Tài	AT17HK	**0.5**	
185	120	AT170245	Mai Văn	Tài	AT17BK	**8**	
186	310	AT160547	Đậu Đình	Tân	AT16EK	**5**	
187	283	AT170644	Đồng Minh	Tấn	AT17GK	**2**	
188	332	AT170344	Cao Xuân	Tấn	AT17CT	**8.5**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
189	178	AT160643	Tạ Thành	Thái	AT16GT	**5**	
190	202	AT150347	Vương Hồng	Thái	AT15CT	**K**	Vắng thi
191	223	AT140341	Nguyễn Quang	Thái	AT14CT	**2**	
192	121	AT170146	Nguyễn Đức	Thắng	AT17AT	**6.5**	
193	122	AT170646	Trần Đức	Thắng	AT17GK	**5**	
194	224	AT160745	Nguyễn Đức	Thắng	AT16HT	**0**	
195	123	AT170147	Nguyễn Tuấn	Thành	AT17AK	**7**	
196	147	AT150350	Bùi Tiến	Thành	AT15CT	**K**	Vắng thi
197	148	AT160347	Hoàng Văn	Thành	AT16CK	**0**	
198	179	AT150251	Nguyễn Quang	Thành	AT15BT	**5.8**	
199	225	AT140443	Đồng Xuân	Thành	AT14DT	**5**	
200	226	AT170547	Lê Sỹ	Thành	AT17EK	**5**	
201	124	AT160644	Đặng Thu	Thảo	AT16GT	**K**	Vắng thi
202	227	AT170248	Trần Văn	Thiệp	AT17BT	**0**	
203	312	AT160648	Phạm Đức	Thịnh	AT16GK	**5**	
204	333	AT160650	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	AT16GT	**5**	
205	203	AT150256	Nguyễn Đăng	Thuần	AT15BU	**3**	
206	180	AT170250	Đỗ Văn	Tiến	AT17BK	**7**	
207	204	AT170550	Đoàn Văn	Tiến	AT17EK	**6.8**	
208	334	AT160551	Trần Văn	Tiến	AT16EK	**5**	
209	284	AT160351	Lê Văn	Tiền	AT16CK	**7**	
210	125	AT160750	Nguyễn Xuân	Tiệp	AT16HP	**2.5**	
211	335	AT150655	Trần Văn	Toán	AT15GU	**K**	Vắng thi
212	228	AT140148	Sỹ Văn	Toàn	AT14AT	**0**	
213	229	AT160751	Trương Minh	Toàn	AT16HT	**1**	
214	258	AT170251	Đoàn Đình	Toàn	AT17BK	**5**	
215	205	AT170451	Ninh Thị Thùy	Trang	AT17DK	**5**	
216	336	AT160449	Nguyễn Thị Thùy	Trang	AT16DT	**7.5**	
217	206	AT150259	Ngô Thị	Trinh	AT15BT	**1**	
218	149	AT160652	Nguyễn Đức	Trung	AT16GK	**2**	
219	230	AT170351	Hoàng Bảo	Trung	AT17CK	**1**	
220	231	AT160753	Trần Hữu	Trung	AT16HT	**0**	

Môn: **Học phần tốt nghiệp 2** Mã học phần: ATATTN4 Số tín chỉ: **4**

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm thi	Ghi chú
221	285	AT150161	Đinh Trí	Trung	AT15AU	**5**	
222	313	AT170254	Trần Quốc	Trung	AT17BK	**5.3**	
223	150	AT170752	Nguyễn Văn	Trường	AT17HP	**1**	
224	259	AT160451	Nguyễn Văn	Trường	AT16DK	**5**	
225	337	AT150162	Ngọc Văn	Trường	AT15AT	**5**	
226	151	AT170353	Đỗ Hữu	Tú	AT17CK	**5.3**	
227	260	AT170255	Phạm Anh	Tú	AT17BK	**5.3**	
228	338	AT170153	Hoàng Anh	Tú	AT17AK	**5**	
229	286	AT170555	Vũ Quang	Tuân	AT17EK	**5**	
230	232	AT170154	Đoàn Minh	Tuấn	AT17AP	**5**	
231	287	AT130358	Bùi Minh	Tuấn	AT13CU	**7.3**	
232	314	AT160654	Phạm Anh	Tuấn	AT16GK	**6**	
233	261	AT150463	Nguyễn Thanh	Tùng	AT15DT	**1.5**	
234	288	AT150362	Nguyễn Lâm	Tùng	AT15CT	**5**	
235	339	AT150561	Lê Thanh	Tùng	AT15ET	**5**	
236	152	AT160657	Nguyễn Thị	Tuyền	AT16GK	**3**	
237	207	AT160359	Nguyễn Thị Tố	Uyên	AT16CT	**5**	
238	340	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16AK	**K**	Vắng thi
239	126	AT160559	Nguyễn Hữu	Vinh	AT16ET	**0**	
240	153	AT170557	Nguyễn Minh	Vũ	AT17EP	**1**	
241	233	AT170156	Kim Lâm	Vũ	AT17AK	**0**	
242	234	AT170657	Nguyễn Thị Tường	Vy	AT17GK	**1**	

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024